



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2024
Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

NỘI DUNG**TRANG**

Bảng cân đối kế toán công ty hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (mẫu số B01 – DN/HN)	3-4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02 – DN/HN)	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03 – DN/HN)	6-7
Bản thuyết minh báo cáo tài chính công ty hợp nhất (mẫu số B09 – DN/HN)	8-42

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY HỢP NHẤT

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.005.662.749.703	2.680.822.497.187
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.130.364.876	15.804.716.334
1. Tiền	111		33.130.364.876	15.714.716.334
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	90.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		944.582.711.822	1.034.923.625.981
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	309.659.600.391	360.409.156.665
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	352.882.254.965	361.090.173.238
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.300.000.000	2.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	350.446.157.088	380.489.764.772
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(70.705.300.622)	(69.365.468.694)
IV. Hàng tồn kho	140		1.948.588.456.351	1.578.459.559.282
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.948.588.456.351	1.578.459.559.282
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.361.216.654	51.634.595.590
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	226.981.625	16.669.391
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		69.804.287.361	51.547.210.418
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		329.947.668	70.715.781
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.749.862.281.520	4.229.309.633.826
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.408.598.602.669	2.032.074.039.629
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	346.187.685.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	2.062.410.917.669	2.032.074.039.629
II. Tài sản cố định	220		217.601.942.685	221.874.005.981
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	186.224.114.699	190.496.177.995
- Nguyên giá	222		252.739.545.688	273.719.819.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.515.430.989)	(83.223.641.027)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	31.377.827.986	31.377.827.986
- Nguyên giá	228		31.746.927.986	31.746.927.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(369.100.000)	(369.100.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	8.824.342.914	9.487.563.482
- Nguyên giá	231		14.719.606.029	14.719.606.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.895.263.115)	(5.232.042.547)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.797.288.398.932	1.653.623.647.376
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.797.288.398.932	1.653.623.647.376
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.14	36.550.000.000	36.550.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		38.550.000.000	38.550.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		280.998.994.320	275.700.377.358
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	241.586.453.877	231.457.692.497
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.412.540.443	6.242.684.861
3. Lợi thế thương mại	269		34.000.000.000	38.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.755.525.031.223	6.910.132.131.013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

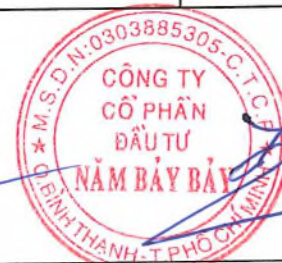
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.937.219.581.007	5.089.477.676.732
I. Nợ ngắn hạn	310		2.573.941.961.672	2.244.732.416.752
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	95.561.016.331	130.532.484.607
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	42.736.350.951	51.407.978.226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	26.556.069.346	73.316.133.969
4. Phải trả người lao động	314		3.902.508.660	3.646.829.655
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	45.823.067.000	57.676.240.911
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	323.033.352.597	500.455.429.113
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	1.711.852.769.845	1.101.012.692.962
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	322.879.240.867	322.879.240.867
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.597.586.075	3.805.386.442
II. Nợ dài hạn	330		3.363.277.619.335	2.844.745.259.980
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	644.567.394.731	301.454.445.765
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	2.713.930.000.000	2.539.396.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.780.224.604	786.852.028
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	3.107.962.187
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.818.305.450.216	1.820.654.454.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.818.305.450.216	1.820.654.454.281
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		207.059.165.444	207.059.165.444
3. Cổ phiếu quỹ	415		(7.087.077.763)	(7.087.077.763)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		608.213.889.401	610.213.583.599
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		607.048.469.409	608.305.839.876
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.165.419.992	1.907.743.723
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.362.913.134	5.712.223.001
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.755.525.031.223	6.910.132.131.013



Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu



Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng




Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 01 tháng 01 năm 2025


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY HỢP NHẤT


Mẫu số B02-DN/HN

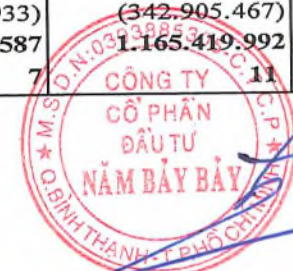
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.710.190.370	82.333.490.880	66.645.448.308	293.035.706.646
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		12.710.190.370	82.333.490.880	66.645.448.308	293.035.706.646
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8.525.379.453	86.626.560.594	44.298.511.655	188.456.424.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.184.810.917	(4.293.069.714)	22.346.936.653	104.579.281.936
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	94.903.102.032	210.194.981.966	315.555.870.897	353.051.313.410
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	65.718.042.293	133.098.498.062	255.140.760.871	322.759.563.812
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		65.512.376.895	106.600.264.821	252.521.772.595	263.149.412.401
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	193.697.738	382.917.863	1.340.167.949	1.329.151.640
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.640.024.362	29.903.071.969	15.445.739.341	49.065.991.283
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		29.536.148.556	42.517.424.358	65.976.139.389	84.475.888.611
11. Thu nhập khác	31	VI.7	992.774.333	18.084.001.079	6.797.487.523	18.248.031.900
12. Chi phí khác	32	VI.8	21.031.583.904	31.465.009.273	56.966.811.551	66.754.015.205
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(20.038.809.571)	(13.381.008.194)	(50.169.324.028)	(48.505.983.305)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.497.338.985	29.136.416.164	15.806.815.361	35.969.905.306
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.212.460.183	28.870.878.737	10.381.487.842	35.770.738.973
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		4.883.372.576	(212.214.227)	4.602.812.994	(886.598.441)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		401.506.226	477.751.654	822.514.525	1.085.764.774
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		28.189.614	(298.710.933)	(342.905.467)	(821.978.949)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		373.316.611	776.462.587	1.165.419.992	1.907.743.723
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			3	7	18


 Nguyễn Trần Phương Uyên
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 01 tháng 01 năm 2025


 Nguyễn Văn Minh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Bá Lân
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	15.806.815.361	35.969.905.306
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	8.089.182.622	10.152.125.823
Các khoản dự phòng	03	1.339.831.928	18.643.005.219
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(315.253.540.699)	(220.984.040.680)
Chi phí lãi vay	06	252.521.772.595	263.149.412.401
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(37.495.938.193)	106.930.408.069
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	228.527.382.749	345.808.534.214
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(391.839.091.053)	(96.572.488.607)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(242.142.478.363)	(234.074.108.720)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(10.339.073.614)	(111.952.899.634)
Tiền lãi vay đã trả	14	(245.659.952.411)	(411.362.911.925)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.650.949.717)	(94.879.890.851)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.522.439.541)	(4.203.894.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(726.122.540.143)	(500.307.251.970)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.197.433.859)	(39.400.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.500.863.829	40.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(692.500.000.000)	(1.331.415.824.648)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	137.912.315.000	896.888.925.578
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(84.933.875.018)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	321.214.705.090	221.432.926.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(236.069.549.940)	(258.067.247.408)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.877.286.237.091	2.899.446.155.133
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.897.678.498.466)	(2.137.415.187.774)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	40	979.607.738.625	762.030.967.359
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	17.415.648.542	3.656.467.981
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.714.716.334	12.148.248.353
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	33.130.364.876	15.804.716.334

Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu

Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 22 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 7 năm 2005 và được cập nhật thay đổi lần thứ 19 ngày 18 tháng 12 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.004.756.560.000 đồng, được chia thành 100.475.656 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại tòa nhà CII Tower, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: NBB.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh của Công ty: 577 Investment Corporation.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong năm là đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị, khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong năm là đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình dân dụng, khai thác và chế biến khoáng sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	31/12/2024		01/01/2024		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		
Các công ty con						
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	Tỉnh Quảng Ngãi	Khai thác khoáng sản, sản xuất đá, xây dựng
2. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	95,0%	95,0%	95,0%	95,0%	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	90,0%	90,0%	90,0%	90,0%	Tỉnh Quảng Ngãi	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
4. Công ty TNHH Hương Trà	99,0%	99,0%	99,0%	99,0%	Tỉnh Quảng Ngãi	Quản lý điều hành và kinh doanh Mỏ nước khoáng Trà Bồng
Công ty liên doanh, liên kết						
1. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Bình Thuận, đăng ký tại Tổ 2, Thôn Phước Hải, Xã Tân Phước, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Tây Nam, đăng ký tại 444 đường Ninh Bình, Khu dân cư Phường 2, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- Chi nhánh Miền Bắc, đăng ký tại Tầng 2, Biệt thự A29, Lô BT-A3, Khu biệt thự Đồi Thủy Sản, Khu 9B, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Chi nhánh Quảng Ngãi, đăng ký tại 364 Võ Nguyên Giáp, Phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thoái vốn công ty con

Khi Công ty thoái vốn, mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của Công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con sẽ được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo riêng của công ty mẹ sau khi điều chỉnh cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ tương ứng kể từ ngày mua nếu sau khi thoái vốn công ty con trở thành công ty tiên kết, hoặc trình bày theo giá gốc nếu công ty con trở thành khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác.

Trường hợp trước đây Công ty đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, toàn bộ phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm mất quyền kiểm soát.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con nhưng không dẫn đến mất quyền kiểm soát được ghi nhận như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Ảnh hưởng của các giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất thay vì ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm phát sinh giao dịch.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Hàng hóa bất động sản của Công ty bao gồm các bất động sản được mua hoặc xây dựng để bán trong năm hoạt động kinh doanh bình thường, được ghi nhận trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí xây dựng và các khoản chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Giao dịch bán và thuê lại tài sản được thực hiện khi tài sản được bán và được chính người bán thuê lại. Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị hợp lý của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê hoạt động nhưng mức giá thuê thấp hơn giá thuê thị trường được phân bổ vào chi phí phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và chương trình phần mềm.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa lô đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao.

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm phòng tập gym ở chung cư Diamond Riverside và các tiện ích, hồ bơi, sân tennis ở chung cư Carina do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phòng tập gym tại chung cư Diamond Riverside	20
Tiện ích, hồ bơi và sân quần vợt tại chung cư Carina	10 - 30

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động.

Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận là giá vốn trong năm bán bất động sản đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó giá trị ghi sổ được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại tài sản cố định, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Khi Công ty thoái một phần vốn trong công ty liên kết, lãi/lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp Công ty hoặc các công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên kết phải được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được tính vào lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí nhà mẫu và hoa hồng môi giới bán bất động sản; quyền và các khoản chi phí để khai thác khoáng sản; công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí nhà mẫu và hoa hồng môi giới bán bất động sản được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu của các dự án khi Công ty bàn giao bất động sản cho khách hàng.

Quyền khai thác khoáng sản mà Công ty có được từ việc mua công ty con ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn. Quyền khai thác khoáng sản sẽ được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng kỳ so với tổng trữ lượng còn lại ước tính của mỏ.

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá; và
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho UBND địa phương nơi khai thác.

Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá được ghi nhận là chi phí trả trước khi Công ty có thể tiếp cận được lớp đá mới để khai thác. Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và chi phí phát sinh có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng kỳ so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản trả trước (tiếp theo)

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhân với đơn giá do UBND tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng kỳ so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận được phân chia từ BCC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trái phiếu

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn. Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong năm theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong năm.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất; và
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư

Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được xác định là giá trị ghi trên hợp đồng chuyển nhượng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện. Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch mà không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại trong bất cứ tình huống nào.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận giá vốn

Bất động sản đã chuyển nhượng

Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã chuyển nhượng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng hóa và dịch vụ khác

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí hợp tác kinh doanh/hợp tác đầu tư dự án

Đối với các hợp đồng hợp tác đầu tư dự án bất động sản mà Công ty là bên kiểm soát các hoạt động và tài sản của dự án, các khoản lợi nhuận phân chia cho đối tác theo quyết toán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động khác và chi hoạt động trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	504.128.838	198.154.721
Tiền gửi ngân hàng	4.046.236.038	15.516.561.613
Các khoản tương đương tiền	28.580.000.000	90.000.000
Cộng	33.130.364.876	15.804.716.334

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu về chuyển nhượng bất động sản	287.554.658.568	321.266.598.568
<i>Dự án khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside</i>	<i>140.692.590.116</i>	<i>140.692.590.116</i>
<i>Dự án khu căn hộ cao tầng City Gate Towers</i>	<i>103.950.610.505</i>	<i>103.950.610.505</i>
<i>Dự án khu biệt thự Đồi Thủy Sản - Quảng Ninh</i>	<i>18.150.295.473</i>	<i>20.325.295.473</i>
<i>Dự án khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi</i>	<i>24.761.162.474</i>	<i>56.298.102.474</i>
Phải thu về chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác	1.700.000.000	5.500.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.404.941.823	33.642.558.097
Cộng	309.659.600.391	360.409.156.665

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	57.473.233.741	82.035.956.810
	57.473.233.741	82.035.956.810
Nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa Ốc	192.841.775.900	192.841.775.900
Công ty CP Xây dựng Dân Dụng E&C	40.447.883.701	40.447.883.701
Công ty TNHH MTV xây dựng Ái Nghĩa	20.604.814.204	20.604.814.204
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Lập Việt	8.022.139.000	-
Các nhà cung cấp khác	33.492.408.419	25.159.742.623
	295.409.021.224	279.054.216.428
Cộng	352.882.254.965	361.090.173.238

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng E&C	2.300.000.000	2.300.000.000
Cộng	2.300.000.000	2.300.000.000
b. Dài hạn		
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (*)	346.187.685.000	-
	346.187.685.000	-
Tổng cộng phải thu về cho vay	348.487.685.000	2.300.000.000

(*) Đây là khoản hợp tác với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm ("Công ty Khu Bắc Thủ Thiêm") triển khai hoạt động kinh doanh tại các dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm. Tại ngày 31/12/2024 số tiền góp vốn của Công ty NBB tại Công ty Khu Bắc Thủ Thiêm là 346.187.685.000 đồng.

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng	196.077.214.503	151.350.803.133
Lãi phải thu đối với các khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư	49.109.343.856	54.768.178.049
Các khoản hỗ trợ vốn	30.648.060.434	43.639.882.834
Các khoản ký quỹ, đặt cọc, cầm cố	6.960.000.000	103.965.000.000
Vốn hợp tác đầu tư	31.958.872.221	-
Cổ tức được chia	3.910.563.176	3.910.563.176
Các khoản phải thu khác	31.782.102.898	22.855.337.580
Cộng	350.446.157.088	380.489.764.772
b. Dài hạn		
Ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án	23.168.800.000	21.054.310.000
Phải thu vốn góp hợp tác đầu tư (*)	2.007.490.000.000	2.007.490.000.000
<i>Trừ: số phải thu trong 12 tháng tới</i>	<i>(24.492.000.000)</i>	<i>-</i>
Lãi phải thu đối với các khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư	54.168.594.040	-
Các khoản phải thu khác	2.075.523.629	3.529.729.629
Cộng	2.062.410.917.669	2.032.074.039.629

- (*)
- Đây là khoản hợp tác với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") về việc đầu tư kinh doanh phân chia lợi nhuận từ Cao ốc 152 Điện Biên Phủ với số tiền 1.150 tỷ đồng.
 - Đây là khoản hợp tác với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc hợp tác đầu dự án Xa Lộ Hà Nội với số tiền 857,49 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.399.762.607	-	(4.399.762.607)	4.039.930.679	-	(4.039.930.679)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	26.504.416.020	-	(26.504.416.020)	26.504.416.020	-	(26.504.416.020)
Phải thu ngắn hạn khác	39.801.121.995	-	(39.801.121.995)	38.821.121.995	-	(38.821.121.995)
Cộng	70.705.300.622	-	(70.705.300.622)	69.365.468.694	-	(69.365.468.694)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Trả trước cho người bán ngắn hạn	Phải thu ngắn hạn khác	Phải thu về cho vay	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm	(4.039.930.679)	(26.504.416.020)	(38.821.121.995)	-	(69.365.468.694)
Trích lập dự phòng bổ sung	(843.111.990)	-	(1.946.719.938)	(1.150.000.000)	(3.939.831.928)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	2.600.000.000	-	2.600.000.000
Số cuối năm	(4.883.042.669)	(26.504.416.020)	(38.167.841.933)	(1.150.000.000)	(70.705.300.622)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.892.736	-	10.892.736	-
Công cụ, dụng cụ	11.740.993.384	-	38.740.171	-
Bất động sản dở dang (*)	1.852.648.701.129	-	1.520.845.445.033	-
Bất động sản hoàn thành	15.383.881.527	-	19.691.053.098	-
Hàng hóa bất động sản	30.304.760.000	-	-	-
Chi phí công trình xây dựng dở dang	2.621.945.680	-	4.400.000.000	-
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	21.110.167.303	-	18.089.546.717	-
Thành phẩm (đá)	14.767.114.592	-	15.383.881.527	-
Cộng	1.948.588.456.351	-	1.578.459.559.282	-

(*) Bất động sản dở dang thể hiện chi phí đầu tư và phát triển của các dự án như sau:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	636.042.887.171	-	604.529.728.521	-
Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư Delagi	1.145.582.639.424	-	845.292.541.978	-
Dự án xây dựng khối căn hộ và văn phòng City Gate Towers	14.756.554.263	-	14.756.554.263	-
Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside	22.817.075.551	-	22.817.075.551	-
Dự án Khu đô thị Sinh thái Đồn điền Hạ Long	27.996.328.839	-	27.996.328.839	-
Chi phí dở dang của các dự án khác	5.453.215.881	-	5.453.215.881	-
Cộng	1.852.648.701.129	-	1.520.845.445.033	-

Mẫu số B09-DN/HN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	223.790.725	-
Các khoản chi phí khác	3.190.900	16.669.391
	226.981.625	16.669.391
b. Dài hạn		
Chi phí môi giới bất động sản	103.454.109.092	103.454.109.092
Chi phí mua lại quyền tham gia dự án Sơn Tịnh	112.297.543.664	114.916.531.940
Chi phí liên quan đến khai thác mỏ đá	5.538.781.055	5.958.428.389
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.091.242.633	-
Chi phí giải phóng mặt bằng khai thác mỏ	4.250.563.859	-
Chi phí nhà mẫu	3.794.220.251	4.368.913.276
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.800.254.352	2.331.509.716
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	365.426.471	377.749.842
Các khoản chi phí khác	8.994.312.500	50.450.242
	241.586.453.877	231.457.692.497
Tổng cộng chi phí trả trước	241.813.435.502	231.474.361.888

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	36.508.994.993	5.802.317.300	39.668.577.548	2.642.734.745
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.661.021.818	10.508.586.504	24.778.048.379	8.391.559.943
Thuế thu nhập cá nhân	1.560.867.137	3.648.113.555	4.252.516.844	956.463.848
Các khoản khác	12.585.250.021	19.197.333.238	17.217.272.449	14.565.310.810
Cộng	73.316.133.969	39.156.350.597	85.916.415.220	26.556.069.346

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	224.460.013.400	27.576.317.229	20.471.874.756	1.211.613.637	273.719.819.022
Mua trong năm	-	3.456.228.956	-	-	3.456.228.956
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(3.495.657.492)	(17.495.030.253)	(3.407.623.636)	(38.190.909)	(24.436.502.290)
Tại ngày 31/12/2024	220.964.355.908	13.537.515.932	17.064.251.120	1.173.422.728	252.739.545.688
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	39.519.359.266	25.809.534.981	16.911.088.518	983.658.262	83.223.641.027
Khấu hao trong năm	6.017.327.858	192.588.255	1.110.327.464	105.718.477	7.425.962.054
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(3.495.657.492)	(17.495.030.253)	(3.109.289.325)	(34.195.022)	(24.134.172.092)
Tại ngày 31/12/2024	42.041.029.632	8.507.092.983	14.912.126.657	1.055.181.717	66.515.430.989
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	184.940.654.134	1.766.782.248	3.560.786.238	227.955.375	190.496.177.995
Tại ngày 31/12/2024	178.923.326.276	5.030.422.949	2.152.124.463	118.241.011	186.224.114.699

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	31.477.827.986	269.100.000	31.746.927.986
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	31.477.827.986	269.100.000	31.746.927.986
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	100.000.000	269.100.000	369.100.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	100.000.000	269.100.000	369.100.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	31.377.827.986	-	31.377.827.986
Tại ngày 31/12/2024	31.377.827.986	-	31.377.827.986

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Hồ bơi và sân quần vợt VND	Trung tâm thương mại Carina VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	1.977.748.637	9.356.509.045	3.385.348.347	14.719.606.029
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	1.977.748.637	9.356.509.045	3.385.348.347	14.719.606.029
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	1.126.786.175	3.820.574.492	284.681.880	5.232.042.547
Khấu hao trong năm	46.416.240	467.825.448	148.978.880	663.220.568
Tại ngày 31/12/2024	1.173.202.415	4.288.399.940	433.660.760	5.895.263.115
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	850.962.462	5.535.934.553	3.100.666.467	9.487.563.482
Tại ngày 31/12/2024	804.546.222	5.068.109.105	2.951.687.587	8.824.342.914

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án đầu tư bất động sản NBB Garden III	926.367.298.820	851.376.014.572
Dự án đầu tư bất động sản NBB II	865.179.895.209	802.247.632.804
Các dự án khác	5.741.204.903	-
Cộng	1.797.288.398.932	1.653.623.647.376

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2024			01/01/2024		
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	49,00%	4.579.636.245	(4.579.636.245)	49,00%	4.579.636.245	(4.579.636.245)
Giá trị thuần			-			-

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	9,50%	16.150.000.000	-	9,50%	16.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Hifill	5,00%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	5,00%	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Công ty Cổ Phần Pearl City	18,55%	20.400.000.000	-		20.400.000.000	-
Giá trị thuần			36.550.000.000			36.550.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Công ty CII	14.520.000.000	14.520.000.000	14.520.000.000	14.520.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	8.365.078.783	8.365.078.783	21.070.618.494	21.070.618.494
Công ty TNHH Dịch vụ Hạ tầng CII	13.443.885	13.443.885	13.443.885	13.443.885
	22.898.522.668	22.898.522.668	35.604.062.379	35.604.062.379
Các nhà cung cấp khác				
Công ty Cổ phần Sài Gòn Xây Dựng	37.836.691.002	37.836.691.002	48.736.691.002	48.736.691.002
Các nhà cung cấp khác	34.825.802.661	34.825.802.661	46.191.731.226	46.191.731.226
	72.662.493.663	72.662.493.663	94.928.422.228	94.928.422.228
	95.561.016.331	95.561.016.331	130.532.484.607	130.532.484.607

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nhận tiền trước của khách hàng nhận chuyển nhượng Bất động sản (*)	29.193.061.597	28.031.401.597
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	13.497.499.354	23.331.720.629
Các khoản khác	45.790.000	44.856.000
Cộng	42.736.350.951	51.407.978.226

(*) Nhận tiền trước của khách hàng nhận chuyển nhượng Bất động sản:

Dự án khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	16.030.430.366	15.368.770.366
Dự án khu dân cư Phường 2, Thành phố Bạc Liêu	3.022.631.231	3.022.631.231
Dự án khu căn hộ cao tầng City Gate Towers	10.140.000.000	9.640.000.000
Cộng	29.193.061.597	28.031.401.597

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	41.004.861.216	52.339.449.522
Chi phí xây dựng	4.309.769.068	4.583.183.933
Chi phí phải trả khác	508.436.716	753.607.456
Cộng	45.823.067.000	57.676.240.911

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng	125.651.559.800	147.555.048.800
Quỹ bảo trì phải trả	34.889.547.736	42.389.547.736
Phải trả vốn góp hợp tác đầu tư (*)	500.000.000	290.766.338.258
Lãi vay phải trả	20.411.433.837	13.289.379.275
Lãi phải trả hợp tác đầu tư	129.502.731.944	-
Các khoản phải trả khác	12.078.079.280	6.455.115.044
Cộng	323.033.352.597	500.455.429.113
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	6.025.497.335	6.594.888.335
Quỹ bảo trì phải trả	747.085.036	947.085.036
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (**)	535.000.000.000	209.314.068.524
Lãi phải trả khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư	102.794.812.360	84.598.403.870
Cộng	644.567.394.731	301.454.445.765

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(*)

- Là khoản hợp tác đầu tư dự án DeLagi của Công ty CPĐT Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM (“Công ty CII”), thời gian hợp tác đến 13 tháng 12 năm 2030. Tại ngày 31/12/2024 số tiền góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty CII tại Công ty NBB là 485 tỷ đồng.
- Là khoản hợp tác đầu tư phát triển khu đất tại Phường 16, Quận 8, TP.HCM của Công ty CPĐT Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM (“Công ty CII”). Tại ngày 31/12/2024 số tiền góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty CII tại Công ty NBB là 50 tỷ đồng.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền sử dụng đất của Dự án Diamond Riverside	201.000.000.000	201.000.000.000
Tiền sử dụng đất của Dự án City Gate Tower	120.000.000.000	120.000.000.000
Chi phí dự án phải trả	1.879.240.867	1.879.240.867
Cộng	322.879.240.867	322.879.240.867

(*) Công ty đang thực hiện trích trước khoản chi phí sử dụng đất phải trả cho Dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside. Đến ngày lập Báo cáo này, Công ty vẫn chưa thể quyết toán tiền sử dụng đất để xác định chính xác số tiền phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Ngân hàng HDBank	-	-	500.000.000	500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	4.000.000.000	4.000.000.000	7.800.000.000	3.800.000.000	-	-
Ngân hàng BIDV - CN Quảng Ngãi	6.035.478.352	6.035.478.352	7.370.440.756	13.033.996.232	11.699.033.828	11.699.033.828
Các khoản vay cá nhân	344.662.291.493	344.662.291.493	11.605.796.335	238.108.478.279	571.164.973.437	571.164.973.437
Công ty CII	1.324.089.000.000	1.324.089.000.000	2.122.910.000.000	798.821.000.000	-	-
<i>Cộng: Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả</i>	<i>33.066.000.000</i>	<i>33.066.000.000</i>			<i>518.148.685.697</i>	<i>518.148.685.697</i>
Cộng	1.711.852.769.845	1.711.852.769.845	2.149.686.237.091	1.053.763.474.511	1.101.012.692.962	1.101.012.692.962
b. Vay dài hạn						
Ngân hàng Vietcombank - CN Nam Bình Dương	-	-	-	507.200.685.697	507.200.685.697	507.200.685.697
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	27.300.000.000	27.300.000.000	-	-	27.300.000.000	27.300.000.000
Ngân hàng HDBank	207.600.000.000	207.600.000.000	207.600.000.000	-	-	-
Ngân hàng VPBank	681.094.000.000	681.094.000.000	-	4.898.000.000	685.992.000.000	685.992.000.000
Ngân hàng Vietinbank- CN 11	891.002.000.000	891.002.000.000	-	6.050.000.000	897.052.000.000	897.052.000.000
Công ty CII	-	-	-	940.000.000.000	940.000.000.000	940.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ CII	940.000.000.000	940.000.000.000	940.000.000.000	-	-	-
<i>Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới</i>	<i>(33.066.000.000)</i>	<i>(33.066.000.000)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(518.148.685.697)</i>	<i>(518.148.685.697)</i>
Cộng	2.713.930.000.000	2.713.930.000.000	1.147.600.000.000	1.458.148.685.697	2.539.396.000.000	2.539.396.000.000
Tổng cộng khoản vay	4.425.782.769.845	4.425.782.769.845	3.297.286.237.091	2.511.912.160.208	3.640.408.692.962	3.640.408.692.962

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
Ngắn hạn					
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	4.000.000.000	Đến ngày 30/05/2025	10%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Quảng Ngãi	6.035.478.352	8 tháng kể từ ngày giải ngân	7,2%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, toàn bộ hàng tồn kho và tất cả các khoản phải thu.
Nhiều cá nhân	344.662.291.493	Từ 1 đến 2 năm hoặc một thời hạn thỏa thuận khác	8-9%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty CII	1.324.089.000.000	Đến ngày 23/02/2025	12,0%	Hợp tác đầu tư dự án DeLagi	Hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐHT-CII ngày 10/1/2024. Công ty CII được phân chia lợi ích theo thỏa thuận hợp đồng.
Dài hạn					
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	27.300.000.000	240 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng HDBank	207.600.000.000	36 tháng	11,5%	Thanh toán nợ vay/bù đắp nợ vay đã thanh toán theo hợp đồng vay vốn để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh.	- Toàn bộ quyền khai thác, quản lý, lợi ích từ dự án NBB Garden III
Ngân hàng VPBank	681.094.000.000	86 tháng, đáo hạn ngày 25/09/2030	10,2%	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng dòng tiền cho Công ty CII	Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia trong tương lai từ dự án Xa lộ Hà Nội.
Ngân hàng Vietinbank- CN 11	891.002.000.000	180 tháng, đáo hạn ngày 16/06/2038	10,0%	Bù đắp nguồn vốn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CII.	- Toàn bộ quyền khai thác, quản lý, lợi ích từ dự án De Lagi, Bình Thuận. - Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác dự án đầu tư xây dựng Cao ốc văn phòng tại 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, HCM.
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ CII	940.000.000.000	60 tháng	9,6%	Hoàn vốn cho các khoản đầu tư tài sản, các dự án bất động sản đang được đầu tư và phát triển của Công ty.	Không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	608.545.980.580	6.534.201.950	1.819.808.830.211
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.907.743.723	(821.978.949)	1.085.764.774
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(240.140.704)	-	(240.140.704)
Tại ngày 01/01/2024	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	610.213.583.599	5.712.223.001	1.820.654.454.281
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.165.419.992	(342.905.467)	822.514.525
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.165.114.190)	(6.404.400)	(3.171.518.590)
Tại ngày 31/12/2024	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	608.213.889.401	5.362.913.134	1.818.305.450.216

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Doanh thu từ kinh doanh bất động sản	2.800.595.709	64.590.115.138	36.814.459.671	257.182.492.405
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.913.320.800	5.591.106.495,7	16.586.197.289	18.109.838.499
Doanh thu từ bán hàng	2.493.885.718	1.918.729.536	9.477.069.473	7.509.836.032
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.502.388.143	2.433.539.710	3.767.721.875	2.433.539.710
Doanh thu chuyển nhượng mỏ đá	-	7.800.000.000	-	7.800.000.000
Cộng	12.710.190.370	82.333.490.880	66.645.448.308	293.035.706.646

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Giá vốn bất động sản	(708.429.055)	54.316.784.503	17.075.316.640	128.762.538.429
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	4.739.772.215	5.884.910.145	13.100.252.312	26.225.097.856
Giá vốn từ bán hàng	2.868.515.142	12.094.893.704	9.769.346.603	19.138.816.183
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.625.521.151	9.088.253.914	4.353.596.100	9.088.253.914
Giá vốn chuyển nhượng mỏ đá	-	5.241.718.328	-	5.241.718.328
Cộng	8.525.379.453	86.626.560.594	44.298.511.655	188.456.424.710

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý 4/2024</u>	<u>Quý 4/2023</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</u>
Lãi từ các khoản hợp tác đầu tư, hỗ trợ vốn và lãi tiền gửi	94.903.102.032	60.004.981.966	315.270.870.897	202.006.313.410
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000
Cổ tức được chia	-	190.000.000	285.000.000	1.045.000.000
Cộng	94.903.102.032	210.194.981.966	315.555.870.897	353.051.313.410

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Quý 4/2024</u>	<u>Quý 4/2023</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</u>
Chi phí lãi vay	65.512.376.895	107.449.259.880	252.521.772.595	263.149.412.401
Chi phí hợp tác đầu tư dự án	-	20.476.309.292	-	54.437.222.521
Phân bổ quyền tham gia dự án Sơn Tịnh	205.665.398	5.172.928.890	2.618.988.276	5.172.928.890
Cộng	65.718.042.293	133.098.498.062	255.140.760.871	322.759.563.812

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Quý 4/2024</u>	<u>Quý 4/2023</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</u>
Chi phí bằng tiền khác	193.697.738	382.917.863	1.340.167.949	1.329.151.640
Cộng	193.697.738	382.917.863	1.340.167.949	1.329.151.640

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Chi phí nhân viên quản lý	1.668.494.310	9.146.170.206	6.805.052.183	20.906.909.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.763.877	601.705.964	287.088.629	2.613.463.049
Chi phí dự phòng	359.831.928	16.098.724.147	1.339.831.928	18.643.005.219
Phân bổ lợi thế thương mại	1.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000
Chi phí bằng tiền khác	553.934.248	2.056.471.652	3.013.766.601	4.902.613.042
Cộng	3.640.024.363	29.903.071.969	15.445.739.341	49.065.991.283

7. THU NHẬP KHÁC

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản	505.390.841	17.932.727.270	5.909.876.208	17.932.727.270
Các khoản thu nhập khác	487.383.492	151.273.809	887.611.315	315.304.630
Cộng	992.774.333	18.084.001.079	6.797.487.523	18.248.031.900

8. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Lãi chậm nộp thuế	3.117.214.233	15.264.799.212	15.899.863.036	20.696.964.550
Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng, chậm trả	17.416.531.023	7.983.868.997	39.933.530.694	36.820.752.681
Các khoản chi phí khác	497.838.648	8.216.341.064	1.133.417.821	9.236.297.974
Cộng	21.031.583.904	31.465.009.273	56.966.811.551	66.754.015.205

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty hợp nhất là 20% lợi nhuận chịu thuế.

	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.806.815.361	35.969.905.306
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>15.935.172.715</i>	<i>11.851.229.127</i>
<i>Cộng: Điều chỉnh tăng doanh thu tính thuế</i>	<i>-</i>	<i>1.682.909.091</i>
<i>Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(190.000.000)</i>	<i>(95.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	31.551.988.076	49.409.043.524
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.381.487.842	35.770.738.973
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.381.487.842	35.770.738.973

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lấy từ các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được trình bày phân loại theo thông tư 200.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty CPĐT Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Gọi tắt là "Công ty CII")	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng xa lộ Hà Nội	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh địa ốc Lữ Gia	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ CII	Bên liên quan của Công ty CII

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY Mẫu số B09-DN/HN
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Công ty CPĐT Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Gọi tắt là "Công ty CII")		
Nhận chuyển nhượng khoản tiền được phân chia trong tương lai tự án đầu tư	-	857.490.000.000
Lợi nhuận phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án	237.873.000.000	169.978.000.000
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án	2.122.910.000.000	45.360.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	798.821.000.000	402.664.068.524
Hoàn trả hỗ trợ vốn thông qua cản trừ công nợ	940.000.000.000	-
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư	129.502.731.944	9.593.400.454
Chi phí sử dụng vốn phát sinh	85.542.575.343	9.344.330.170
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII E&C		
Chi phí thi công dự án	165.979.881.463	53.167.286.677
Cung cấp thiết bị	11.736.853.384	-
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư	35.000.000.000	943.137.000.000
Hoàn trả vốn góp hợp tác đầu tư	325.766.338.258	652.370.661.742
Thu hồi tiền tạm ứng thi công	-	490.000.000.000
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư	8.219.741.648	-
Chi phí phát sinh từ hỗ trợ vốn	2.723.978.081	-
Nhận chuyển nhượng công ty con	-	85.000.000.000
Doanh thu từ cho thuê VP	2.256.445.508	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	942.500.000.000	995.931.692.130
Thu hồi vốn góp hợp tác đầu tư	596.312.315.000	522.005.867.482
Thu hồi vốn góp hợp tác đầu tư thông qua cản trừ công nợ	-	489.928.002.882
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án	524.000.000.000	96.150.000.000
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án thông qua cản trừ công nợ	-	802.664.068.524
Hoàn trả vốn góp hợp tác đầu tư	670.814.068.524	752.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh từ hợp tác đầu tư	54.168.594.040	-
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án	2.433.522.368	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội		
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn thông qua cản trừ công nợ	-	400.000.000.000
Doanh thu từ cho thuê xe	277.777.776	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh địa ốc Lữ Gia		
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn thông qua cản trừ công nợ	-	400.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Chi phí thuê văn phòng, tiệc ích khác	3.851.623.094	3.620.579.507
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hùng Thanh		
Chi phí thuê văn phòng và các dịch vụ khác	-	2.535.772.769
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ CII		
Nhận hỗ trợ vốn thông qua cản trừ công nợ	940.000.000.000	-
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án	4.944.657.534	-

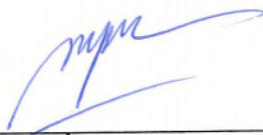
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)


Mẫu số B09-DN/HN


VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong Báo cáo tài chính này.


Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu


Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng


Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 22 tháng 01 năm 2025



Số : 10 /CV-TCKT

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2025

"V/v Giải trình kết quả hoạt động
kinh doanh Quý IV năm 2024"

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy ("Công ty") báo cáo chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế trong báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý IV năm 2024 so với Quý IV năm 2023 như sau:

1. Báo cáo công ty mẹ:

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Chênh lệch	%
1	Doanh thu thuần	6.875	67.335	(60.460)	-90%
2	Lợi nhuận sau thuế	7.042	6.371	672	11%

2. Báo cáo hợp nhất:

Stt	Khoản mục	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Chênh lệch	%
1	Doanh thu thuần	12.710	82.333	(69.623)	-85%
2	Lợi nhuận sau thuế	402	478	(76)	-16%

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính Quý 4/2024 biến động so với Quý 4/2023, ảnh hưởng bởi các nguyên nhân sau:

- + Do ảnh hưởng khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành bất động sản nói riêng, việc kinh doanh bán hàng của lĩnh vực bất động sản có dấu hiệu trì trệ và chậm lại. Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến doanh thu và giá vốn từ hoạt động kinh doanh bất động sản giảm lần lượt là 61,7 tỷ đồng và 54 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
- + Doanh thu hoạt động tài chính giảm 116 tỷ đồng do năm 2023 Công ty NBB có phát sinh lợi nhuận từ chuyển nhượng quyền tham gia phát triển khu đất tại Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 150 tỷ.
- + Chi phí lãi vay giảm 41,1 tỷ đồng do ngân hàng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay.
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 26,26 tỷ đồng do cùng kỳ năm 2023 phát sinh chi trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
- + Chi phí khác giảm 10,4 tỷ đồng.

Trân trọng kính chào.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu TCKT

CÔNG TY CPĐT NĂM BẢY BẢY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Lâm